

**Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Đông Á**

Báo cáo của Chủ tịch Công ty
và báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Chủ tịch Công ty	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 23

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 20/UBCK-GP ngày 24 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và Quyết định điều chỉnh số 30/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 về thay đổi tên tiếng Anh là DongA Capital Company Ltd.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, công ty mẹ.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Bùi Việt, được bổ nhiệm ngày 23 tháng 2 năm 2007.

THÔNG TIN VỀ VIỆC TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty đã gửi các tờ trình về việc xin tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản do không đủ điều kiện về vốn pháp định và nhân sự theo quy định cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ (Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á).

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, việc xin tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản của Công ty chưa được Hội đồng thành viên của công ty mẹ phê duyệt.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Cao Thanh Định	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2014
Bà Võ Thị Minh Ngân	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2009

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Bùi Việt, Chủ tịch Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tạm ngừng hoạt động theo các tờ trình về việc tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản của Công ty đã gửi cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ vào ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014.

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Theo ý kiến của tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752831/17105383-QLQ

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Chủ sở hữu**
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty đã gửi các tờ trình cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ (Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á) về việc xin tạm ngừng hoạt động của Công ty và đưa ra phương án xử lý tài sản, thực hiện chi trả và các vấn đề khác liên quan đến việc Công ty tạm ngừng hoạt động do không đủ điều kiện về vốn pháp định và nhân sự theo quy định. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, việc xin tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản của Công ty chưa được Hội đồng thành viên của công ty mẹ phê duyệt. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo phương pháp kế toán trên cơ sở Công ty tạm ngừng hoạt động như được trình bày tại Thuyết minh số 3.1.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thuy An

Võ Ngọc Thúy An
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2222-2013-004-1

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTQ

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.957.092.201	14.909.981.953
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	676.355.774	204.368.456
111	1. Tiền		676.355.774	204.368.456
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	10.629.810.787	5.319.836.200
121	1. Đầu tư ngắn hạn		16.988.025.000	9.876.836.864
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(6.358.214.213)	(4.557.000.664)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.464.002.425	9.296.481.482
131	1. Phải thu khách hàng		-	18.000.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		-	356.333.336
135	3. Các khoản phải thu khác	6	7.464.002.425	8.922.148.146
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		186.923.215	89.295.815
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	8.161.600
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7, 20.1	81.134.215	81.134.215
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	105.789.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	6.918.254.678
220	I. Tài sản cố định		-	294.276.352
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	-	266.776.352
222	- Nguyên giá		-	1.852.519.352
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.585.743.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	27.500.000
228	- Nguyên giá		-	296.659.620
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(269.159.620)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	6.620.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	6.620.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		-	3.978.326
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	3.978.326
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.957.092.201	21.828.236.631

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTQ

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		372.201.300	318.323.339
310	I. Nợ ngắn hạn		372.201.300	318.323.339
312	1. Phải trả người bán		88.000.000	2.250.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	65.135.145	57.198.669
315	3. Phải trả người lao động		57.546.482	100.803.805
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	98.624.414	93.475.606
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		62.895.259	64.595.259
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.584.890.901	21.509.913.292
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.584.890.901	21.509.913.292
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	30.000.000.000	30.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển	13.2	171.185.325	171.185.325
418	3. Quỹ dự phòng tài chính	13.2	303.725.260	303.725.260
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.2	455.587.892	455.587.892
420	5. Lỗ lũy kế		(12.345.607.576)	(9.420.585.185)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.957.092.201	21.828.236.631

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		18.000.000	-
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	14	-	335.720.894
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	335.720.894
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		-	3.105.344.400
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	3.105.344.400

Người lập:



Võ Thị Minh Ngân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B02a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
01	1. Doanh thu	15	9.833.334	351.940.286
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		9.833.334	351.940.286
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	(694.259.980)	(718.504.120)
20	4. Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh		(684.426.646)	(366.563.834)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	601.818.853	432.474.852
22	6. Chi phí tài chính	18	(1.802.217.263)	(1.495.583.556)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(1.040.197.335)	(975.940.673)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.925.022.391)	(2.405.613.211)
50	9. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(2.925.022.391)	(2.405.613.211)
60	10. Lỗ sau thuế TNDN		(2.925.022.391)	(2.405.613.211)

Người lập:



Võ Thị Minh Ngân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B03a-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.000.000	7.513.179.502
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(31.363.800)	(179.203.554)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(957.402.817)	(1.141.160.563)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.418.525.750	11.450.000
07	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(578.371.815)	(8.625.661.507)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động kinh doanh		(128.612.682)	(2.421.396.122)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.305.000.000)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.705.520.000
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		600.600.000	421.024.852
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng trong) hoạt động đầu tư		600.600.000	(1.178.455.148)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		471.987.318	(3.599.851.270)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	204.368.456	3.936.548.003
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	676.355.774	336.696.733

Người lập:



Võ Thị Minh Ngân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B05a-CTQ

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	13.2	171.185.325	171.185.325	-	-	-	-	171.185.325	171.185.325
3. Quỹ dự phòng tài chính	13.2	303.725.260	303.725.260	-	-	-	-	303.725.260	303.725.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.2	455.587.892	455.587.892	-	-	-	-	455.587.892	455.587.892
5. Lỗ lũy kế		(7.239.257.403)	(9.420.585.185)	-	(2.405.613.211)	-	(2.925.022.391)	(9.644.870.614)	(12.345.607.576)
TỔNG CỘNG		23.691.241.074	21.509.913.292	-	(2.405.613.211)	-	(2.925.022.391)	21.285.627.863	18.584.890.901

Người lập:

Người phê duyệt:

Võ Thị Minh Ngân
Kế toán Trưởng

Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 20/UBCK-GP ngày 24 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và Quyết định điều chỉnh số 30/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 về thay đổi tên tiếng Anh là DongA Capital Company Ltd.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 - 58 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 5 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8 người).

THÔNG TIN VỀ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty đã gửi các tờ trình về việc xin tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản do không đủ điều kiện về vốn pháp định và nhân sự theo quy định cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ (Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á).

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được phản hồi từ công ty mẹ.

Theo các tờ trình về việc tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản của Công ty đã gửi cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ vào ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty có phương án xử lý tài sản và các nghĩa vụ phải trả khi tạm ngừng hoạt động như sau:

- Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi không kỳ hạn sẽ được dùng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian hoạt động và tạm ngừng hoạt động. Số dư còn lại sẽ được gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại.
- Các khoản đầu tư cổ phiếu sẽ được Công ty tìm các đối tác để bán.
- Khoản phải thu công ty mẹ sẽ được thu hồi.
- Tài sản cố định sẽ được giữ nguyên hiện trạng trên sổ sách kế toán.
- Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước sẽ được Công ty xử lý sau khi làm việc với cơ quan thuế.
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác sẽ được Công ty thực hiện thanh toán hết.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được giữ nguyên hiện trạng trên sổ sách kế toán.
- Đối với các lao động bị thanh lý hợp đồng lao động do Công ty tạm ngừng hoạt động, Công ty sẽ thực hiện thanh toán toàn bộ lương và giải quyết theo chế độ lao động hiện hành.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam*

Chủ tịch Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

2.2 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("đồng" hay "VNĐ").

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Phương pháp kế toán trên cơ sở chấm dứt hoạt động*

Căn cứ vào các tờ trình về việc tạm ngừng hoạt động và phương án xử lý tài sản của Công ty đã gửi cho Hội đồng thành viên của công ty mẹ vào ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty đã áp dụng phương pháp kế toán trên cơ sở tạm ngừng hoạt động để trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo phương pháp kế toán trên cơ sở tạm ngừng hoạt động, tài sản được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính và nợ phải trả được trình bày theo giá trị thanh lý ước tính, trong đó các số liệu ước tính sẽ được xem xét và điều chỉnh định kỳ khi phù hợp. Việc định giá tài sản theo giá trị thuần có thể thực hiện được và nợ phải trả theo giá trị thanh lý dự kiến thể hiện các số liệu ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản và số liệu ước tính chi phí liên quan đến việc tiến hành Kế hoạch thanh lý dựa trên giả định được đề cập tại *Thuyết minh số 3.2*. Giá trị và chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc tiến hành kế hoạch thanh lý được dự tính là khác với số liệu được trình bày trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này do tính không chắc chắn vốn có và sẽ cao hơn hoặc thấp hơn các số liệu được hạch toán. Các chênh lệch này có thể mang tính trọng yếu.

3.2 *Giả định về định giá*

Theo phương pháp kế toán trên cơ sở tạm ngừng hoạt động, giá trị còn lại của tài sản vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được điều chỉnh theo giá trị thuần có thể thực hiện được, và nợ phải trả (bao gồm cả chi phí ước tính liên quan đến việc tiến hành kế hoạch thanh lý) đã được điều chỉnh theo giá trị thanh toán ước tính. Dưới đây là các giả định chủ yếu được Công ty sử dụng khi đánh giá giá trị tài sản và giá trị thanh toán nợ phải trả ước tính được phản ánh trong bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2014:

- Tiền được trình bày theo mệnh giá;
- Khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2014;
- Các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết được đánh giá theo giá bán được thực hiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này hoặc theo giá trị sổ sách của công ty phát hành;
- Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước trình bày theo giá trị ghi sổ;
- Tài sản và nợ phải trả khác được trình bày theo giá trị ghi sổ và
- Toàn bộ tài sản dài hạn được phân loại lại sang tài sản ngắn hạn trên cơ sở tạm ngừng hoạt động.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3.4 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trị sổ sách của công ty phát hành.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo yêu cầu của công ty mẹ, Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

Việc trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty được thực hiện như sau:

Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10%
Quỹ dự phòng tài chính	10%
Quỹ đầu tư phát triển	10%
Quỹ đào tạo nội bộ	5%
Quỹ khen thưởng	5%
Quỹ phúc lợi	5%

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

3.9 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty. Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác* (tiếp theo)

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

3.10 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.11 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền gửi ngân hàng	676.355.774	204.368.456

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, tiền và các khoản tương tiền bao gồm các khoản sau trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2013
Tiền và tương đương tiền	676.355.774	330.491.162
Tiền đang chuyển	-	6.205.571
Tiền và các khoản tương đương tiền	676.355.774	336.696.733

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	16.988.025.000	9.876.836.864
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.358.214.213)	(4.557.000.664)
TỔNG CỘNG	10.629.810.787	5.319.836.200

5.1 Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro

Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	Giảm so với giá thị trường (VNĐ)
Công ty CP Vận tải Ngoại thương (VNF)	286.000	9.876.400.000	1.725.400.000
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Sông Hậu	78.000	2.925.000.000	2.535.000.000
Công ty CP Sợi Thép Kỳ	113.114	3.371.625.000	1.928.411.080
Công ty CP Nhựa Sài Gòn	60.000	815.000.000	169.403.133
	537.114	16.988.025.000	6.358.214.213

5.2 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	4.557.000.664	6.696.984.264
Dự phòng trích thêm trong kỳ	1.801.213.549	1.470.836.600
Dự phòng giảm giá cuối kỳ	6.358.214.213	8.167.820.864

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (Thuyết minh số 21)	7.446.002.425	8.874.741.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.000.000	18.000.000
Phải thu người lao động	-	29.407.146
TỔNG CỘNG	7.464.002.425	8.922.148.146

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đây là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa lũy kế từ năm 2010 (Thuyết minh số 20.1).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>
	<i>Tổng cộng</i>		
Nguyên giá:			
Số dư đầu kỳ	400.000.000	486.422.352	966.097.000
Phân loại lại sang tài sản ngắn hạn khác	(400.000.000)	(486.422.352)	(966.097.000)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu kỳ	358.319.000	472.920.000	754.504.000
Khấu hao trong kỳ	41.681.000	13.502.352	105.804.000
Phân loại lại sang tài sản ngắn hạn khác	(400.000.000)	(486.422.352)	(860.308.000)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu kỳ	41.681.000	13.502.352	211.593.000
Số dư cuối kỳ	-	-	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ	
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Phát triển website</i>
	<i>Tổng cộng</i>	
Nguyên giá:		
Số dư đầu kỳ	251.659.620	45.000.000
Xóa sổ	(251.659.620)	(45.000.000)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn:		
Số dư đầu kỳ	251.659.620	17.500.000
Khấu hao trong kỳ	-	7.500.000
Xóa sổ	(251.659.620)	(25.000.000)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu kỳ	-	27.500.000
Số dư cuối kỳ	-	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 8)	105.789.000	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước là khoản thuế thu nhập cá nhân của nhân viên phải trả tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Kinh phí công đoàn	84.762.605	77.920.606
Bảo hiểm xã hội	9.717.527	12.354.750
Bảo hiểm y tế	1.714.858	2.180.250
Bảo hiểm thất nghiệp	1.708.000	1.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	721.424	-
TỔNG CỘNG	98.624.414	93.475.606

13. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Vốn điều lệ

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	%	Vốn điều lệ đã góp
Chủ sở hữu: Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	30.000.000.000	100	30.000.000.000

13.2 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Quỹ đầu tư phát triển	171.185.325	171.185.325
Quỹ dự phòng tài chính	303.725.260	303.725.260
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	455.587.892	455.587.892
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	303.725.260	303.725.260
- Quỹ đào tạo	151.862.632	151.862.632
TỔNG CỘNG	930.498.477	930.498.477

Công ty không trích lập các quỹ dự trữ vì phát sinh lỗ thuần trong kỳ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	VNĐ Số cuối kỳ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014				
<i>Tiền gửi thanh toán</i>				
Công ty CP Đầu tư Vina	335.720.894	-	(335.720.894)	-
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
<i>Tiền gửi thanh toán</i>				
Công ty CP Đầu tư Vina	109.939.984	334.726.745	(108.945.835)	335.720.894
Ngân hàng TMCP Đông Á	1.025.317.654	190.642.843.051	(191.668.160.705)	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	45.853.776	6.996.667.302	(7.042.521.078)	-
Tổng Công ty CP Bảo Minh	11.945.503	1.330.328.312	(1.342.273.815)	-
TỔNG CỘNG	1.193.056.917	199.304.565.410	(200.161.901.433)	335.720.894

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	9.833.334	351.940.286

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	346.436.440	159.715.992
Chi phí nhân viên	263.955.108	352.718.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.681.000	49.998.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.419.402	116.280.419
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	20.768.030	39.791.651
TỔNG CỘNG	694.259.980	718.504.120

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.600.000	414.920.110
Lãi tiền gửi	1.145.353	6.104.742
Lãi đầu tư tài chính	73.500	11.450.000
TỔNG CỘNG	601.818.853	432.474.852

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.801.213.549	1.470.836.600
Phí giao dịch chứng khoán	789.250	24.746.956
Lỗ từ hoạt động tự doanh	214.464	-
TỔNG CỘNG	1.802.217.263	1.495.583.556

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Chi phí nhân viên	650.190.386	748.297.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.313.673	5.681.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.806.352	213.962.000
Chi phí xóa sổ tài sản cố định vô hình	20.000.000	-
Chi phí xóa sổ khoản phải thu khó đòi	18.000.000	-
Chi phí xóa sổ các khoản chi phí trả trước	9.226.924	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	8.000.000
Chi phí vật liệu, dụng cụ	660.000	-
TỔNG CỘNG	1.040.197.335	975.940.673

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước là 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng đối chiếu lỗ tính thuế được trình bày dưới đây:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Lỗ trước thuế	(2.925.022.391)	(2.405.613.211)
Khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(600.600.000)	(414.920.110)
Lỗ tính thuế ước tính trong kỳ	(3.525.622.391)	(2.820.533.321)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(81.134.215)	(81.134.215)
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	(81.134.215)	(81.134.215)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 14.557.057.461 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2014	Không được chuyển lỗ	VNĐ
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2014
2011	2016	490.235.000	-	-	490.235.000
2012	2017	7.933.339.598	-	-	7.933.339.598
2013	2018	2.607.860.472	-	-	2.607.860.472
2014	2019	3.525.622.391	-	-	3.525.622.391
TỔNG CỘNG		14.557.057.461	-	-	14.557.057.461

20.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang là 14.557.057.461 đồng do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Số tiền
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán Chi hoạt động giao dịch chứng khoán	420.630 (789.250)
Ngân hàng TMCP Đông Á	Công ty chủ quản cấp cao nhất	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	291.422

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư tiền gửi và các khoản phải thu, phải trả cho các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu/ (Phải trả)
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Công ty mẹ	Tiền gửi giao dịch chứng khoán Phải thu khác	461.081.376 7.446.002.425
Ngân hàng TMCP Đông Á	Công ty chủ quản cấp cao nhất	Tiền gửi không kỳ hạn	119.667.055

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 18 tháng 7 năm 2014, Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Sông Hậu có giá trị ghi sổ là 2.925.000.000 đồng với giá bán là 390.000.000 đồng.

Ngoài ra không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc giữa niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Võ Thị Minh Ngân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Việt
Chủ tịch Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014